

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
NĂM HỌC 2022 - 2023

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CỦA CÁC
DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TP. KON TUM**

Thuộc nhóm ngành khoa học: Kinh tế

Phạm Mai Trâm

Kon Tum, tháng 5 năm 2023

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
NĂM HỌC 2022 - 2023

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CỦA CÁC
DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TP. KON TUM

Thuộc nhóm ngành khoa học:

Sinh viên thực hiện: Lê Thị Quỳnh Như

Nam, Nữ: Nữ

Nguyễn Thị Minh Thư

Phan Hải Uyên

Lớp, khoa: K19KT – Khoa Kinh tế

Ngành học: Kế toán

Người hướng dẫn: ThS. Đặng Thị Ly

Kon Tum, tháng 5 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I. MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu đề tài	1
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	2
4. Tổng quan nghiên cứu	2
4.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước	2
4.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước.....	3
PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	7
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	7
1.1. Cơ sở lý thuyết.....	7
1.1.1. Công nghệ thông tin	7
1.1.2. Tác động của công nghệ thông tin đối với công tác kế toán.....	7
1.1.3. Phần mềm kế toán	9
1.1.4. Hệ thống thông tin kế toán	10
2. Phương pháp nghiên cứu	11
2.1. Thiết kế nghiên cứu.....	11
2.2. Thang đo.....	11
2.3. Chọn mẫu và bảng hỏi.....	11
2.4. Quy trình nghiên cứu.....	12
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ KON TUM	15
2.1. Thông tin mẫu nghiên cứu	15
2.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Kon Tum.....	18
CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	25
3.1. Giải pháp từ phía nhà sản xuất phần mềm kế toán	25
3.2. Giải pháp từ phía các doanh nghiệp ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán.....	26
3.3. Giải pháp từ phía Nhà nước.....	27
KẾT LUẬN	30
TÀI LIỆU THAM KHẢO	31

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2.1. Quy trình nghiên cứu	13
Bảng 2.1. Thống kê một số đặc điểm mẫu khảo sát	18

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Hình thức sở hữu của doanh nghiệp	15
Biểu đồ 2.2. Lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp	16
Biểu đồ 2.3. Hình thức kế toán sử dụng tại doanh nghiệp	19
Biểu đồ 2.4. Phần mềm kế toán doanh nghiệp sử dụng	20
Biểu đồ 2.5. Thực trạng ứng dụng của phần mềm kế toán tại doanh nghiệp	21
Biểu đồ 2.6. Lợi ích khi sử dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp	22
Biểu đồ 2.7. Các khó khăn doanh nghiệp gặp phải khi sử dụng phần mềm kế toán.....	23
Biểu đồ 2.8. Mức độ hiệu quả mang lại khi sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin	24

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	CNTT	Công nghệ thông tin
2	HTTKT	Hệ thống thông tin kế toán
3	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
4	TP	Thành phố

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, doanh nghiệp được xem là yếu tố quan trọng, và là nhân tố đảm bảo cho việc thực hiện các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao hiệu quả kinh tế và năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập. Một trong những yếu tố quan trọng nhất để doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả và bền vững là công nghệ. Trong điều kiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay, khi mà tốc độ cập nhật, xử lý và cung cấp thông tin được xem là một lợi thế cạnh tranh thì việc ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp là điều tất yếu.

Thông tin kế toán luôn giữ vai trò quan trọng trong bất kỳ doanh nghiệp nào. Để cập nhật thông tin kế toán kịp thời và nhanh chóng thì việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán được xem là rất cần thiết, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có quy mô. Chính vì thế phần mềm kế toán ra đời và hỗ trợ đắc lực cho người kế toán trong quá trình ghi nhận, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, giúp tiết kiệm thời gian, giảm chi phí cho các đơn vị sử dụng. Tuy nhiên, việc nhận thức về vai trò và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp nói chung và trên địa bàn thành phố Kon Tum nói riêng hiện nay có sự khác nhau và bị chi phối bởi nhiều yếu tố. Do đó, hiệu quả mang lại cho các doanh nghiệp cũng có sự khác nhau và làm ảnh hưởng trực tiếp đến các chiến lược tài chính, sản xuất, bán hàng... của người lãnh đạo, từ đó tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Trong phạm vi của đề tài, chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá cụ thể thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum hiện nay và đưa ra những giải pháp để đẩy mạnh việc ứng dụng đó. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp các nhà quản lý có cái nhìn trực diện hơn về vai trò của công nghệ thông tin trong công tác kế toán nói riêng và trong hoạt động quản lý doanh nghiệp nói chung.

2. Mục tiêu đề tài

- Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp.

- Tìm hiểu thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp trên địa bàn TP. Kon Tum

- Đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp trên địa bàn TP. Kon Tum

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Các doanh nghiệp tại Thành phố Kon Tum có tổ chức công tác kế toán.

- Phạm vi nghiên cứu: Không gian nghiên cứu: Tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Kon Tum

4. Tổng quan nghiên cứu

4.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam, có nhiều bài viết liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán. Cụ thể, Vũ Quốc Thông đã có nghiên cứu về “Ảnh hưởng của công nghệ thông tin (CNTT) đến hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) hiện đại” (Thông, 2012). Trong bài viết này, tác giả đã tiến hành so sánh giữa kế toán thủ công và kế toán máy. Đồng thời đưa ra những lợi ích của hệ thống kế toán máy mang lại cho doanh nghiệp. Một nghiên cứu khác của Lý Lan Yên, “Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác kế toán” nhằm khái quát về thực trạng áp dụng công nghệ 4.0 trong ngành kế toán ở Việt nam hiện nay, những điểm còn hạn chế cần khắc phục, từ đó đưa ra một số giải pháp khuyến nghị (Yên, 2020).

Liên quan đến chủ đề xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ứng dụng CNTT trong công tác kế toán có nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Nam “Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại Việt nam” (Nam, 2021). Bài viết nhằm tập trung đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu thu thập thông qua bảng khảo sát với mẫu là 200 nhân viên, quản lý đang làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, công cụ Cronbach’s Alpha, EFA và phân tích hồi quy bội được thực hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối quan hệ giữa yếu tố Kỳ vọng nỗ lực và Điều kiện thuận lợi đối với Hành vi ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại Việt Nam. Ngoài ra, yếu tố Điều kiện thuận lợi có tác động mạnh hơn yếu tố Kỳ vọng nỗ lực. Bên cạnh đó,

còn có bài viết của Phan Lê Trang “Xác định nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội” nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội (Phan Lê Trang, 2022). Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến việc quyết định ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán; trong đó, nhóm nhân tố tác động mạnh nhất là nhóm về khả năng kiểm soát nguồn lực bên trong doanh nghiệp, theo sau đó là các nhóm về sự hữu ích của các ứng dụng công nghệ thông tin, xu hướng chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin bên ngoài doanh nghiệp và đặc điểm vượt trội mà các ứng dụng công nghệ thông tin. Có cùng mục đích nghiên cứu, Trần Thị Kim Lý cũng đã tìm hiểu “Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Hồ Chí Minh” (Lý, 2016). Thông qua các bước nghiên cứu định lượng, kết quả cho thấy: sự ủng hộ của nhà quản lý, lợi thế tương đối, áp lực thay đổi quy trình ảnh hưởng đồng biến đến việc ứng dụng phần mềm kế toán. Trong khi đó, nhân tố Rủi ro ứng dụng thì có tác động nghịch biến.

Đi theo hướng đánh giá thực trạng sử dụng các sản phẩm ứng dụng CNTT cho công việc kế toán, Nguyễn Thị Bích Hạnh, “Thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại một số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Đà Nẵng” nhằm khảo sát thực trạng sử dụng phần mềm toán tại các doanh nghiệp này (Hạnh, 2020). Kết quả cho thấy, việc sử dụng phần mềm kế toán ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng rất phổ biến. Hầu hết, các doanh nghiệp đều lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với từng loại hình kinh doanh với giá cả hợp lý.

4.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước

Việc ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán đã mang lại hiệu quả không nhỏ và được nhiều tác giả ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Các bài viết tìm hiểu về tác động cũng như vai trò của CNTT đến công việc kế toán khá nhiều. Trong đó, có thể kể đến như nghiên cứu Imene “Công nghệ thông tin và kế toán ngày nay: Điều gì đã thực sự thay đổi?” nhằm thảo luận về những ảnh hưởng của CNTT đến nghề kế toán (Imene, 2020). Bài viết của Maria do Céu Gaspar Alves “Vai trò của Công nghệ thông tin trong công việc Kế toán – nghiên cứu một số trường hợp” thông qua nghiên cứu định tính bằng cách sử dụng sáu nghiên cứu điển hình nhằm đánh giá tác động của

những thay đổi liên quan đến CNTT đối với chức năng kế toán quản trị cũng như mức độ ảnh hưởng của CNTT đến khả năng giải quyết các nhiệm vụ kế toán (Maria, 2010). Hay một nghiên cứu khác của Yaser về “Tác động của CNTT đối với Hệ thống kế toán” nhằm nghiên cứu tác động của công nghệ thông tin đối với hệ thống thông tin kế toán (AIS) trong các doanh nghiệp và đo lường vai trò của công nghệ thông tin trong việc nâng cao chất lượng và hiệu suất của hoạt động kế toán một cách minh bạch và an toàn (Yaser, 2020). Ngoài ra, Dandago đã có một bài viết về “CNTT và Hệ thống thông tin kế toán trong ngành ngân hàng Nigeria” (Dandago, 2014). Trong bài báo này, các tác giả đã lập luận thông qua những phát hiện rằng việc sử dụng CNTT có thể cải thiện hiệu suất bằng cách giảm chi phí hoạt động, tạo thuận lợi cho các giao dịch, liên quan đến việc đơn giản hóa các vấn đề và cung cấp thông tin chất lượng, từ đó khuyến nghị các ngân hàng Nigeria nên đầu tư nhiều hơn vào các công cụ CNTT để cung cấp dịch vụ hiệu quả và mang lại lợi nhuận. Phát hiện này phù hợp với lập luận của Moorthy trong nghiên cứu của họ có tiêu đề “Ứng dụng CNTT trong việc ra quyết định kế toán quản trị” (Moorthy, 2012). Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng CNTT có tác động lớn đến chi phí hoạt động và cho thấy CNTT có thể cải thiện hiệu quả của bộ phận kế toán, từ đó tạo ra kết quả dễ dàng, kịp thời, chính xác”. Tương tự kết quả trên, Moghaddam cũng cung cấp bằng chứng về “Tác động của công nghệ thông tin đối với phạm vi kế toán ở Iran” (Moghaddam, 2012). Những phát hiện của nghiên cứu cho thấy rằng công nghệ thông tin làm tăng tính chính xác trong quy trình kế toán và giảm chi phí thu thập thông tin. Nó đã ảnh hưởng đến các kế toán viên, vì giờ đây họ yêu cầu các kỹ năng mới trong các lĩnh vực như phần mềm kế toán ứng dụng, excel và truy cập (trong số những lĩnh vực khác). Hơn nữa, nghiên cứu cho thấy rằng CNTT được thiết lập để cung cấp môi trường cần thiết để cải thiện nghiệp vụ kế toán và tạo ra vai trò kế toán phù hợp hơn trong các tổ chức. Sacer trong nghiên cứu của họ có tiêu đề “Chất lượng hệ thống thông tin kế toán và công nghệ thông tin ở các công ty vừa và lớn của Croatia” phát hiện rằng CNTT ảnh hưởng đến cách thức vận hành của hệ thống thông tin kế toán, góp phần chuẩn bị, xử lý, trình bày và cung cấp thông tin kế toán (Sacer, 2013). Nó góp phần quan trọng vào tính chính xác, kịp thời của các báo cáo kế toán và chất lượng của các báo cáo đó. Ngoài ra, còn nhiều nghiên cứu khác có liên quan như:

Salehi và Torabi trong nghiên cứu của họ có tiêu đề “Vai trò của Công nghệ Thông tin đối với Chất lượng Báo cáo Tài chính: trường hợp ở Iran” đã xem xét vai trò của công nghệ thông tin trong quy trình báo cáo tài chính và chất lượng của các báo cáo tài chính được tạo ra (M. Salehi, Torabi, E. , 2012). Kết quả cho thấy công nghệ thông tin tăng cường khả năng so sánh và làm giảm tác động tiêu cực của những hạn chế chi phối đối với các đặc điểm định tính của báo cáo tài chính.

Akabom đã có nghiên cứu về “Tác động của Công nghệ thông tin đến chuỗi công việc Kế toán” để xác định tác động của công nghệ thông tin đối với các công việc của kế toán trong hệ thống toàn cầu (Akabom, 2020). Kết quả cũng chỉ ra rằng công nghệ thông tin có ảnh hưởng đáng kể đến chuỗi công việc kế toán Công việc kế toán đã thay đổi từ những gì vốn có trước đây thành một chuỗi công việc được phát triển theo xu hướng công nghệ và cấu trúc toàn cầu hóa

Banker và Hsihui Chang có bài viết về “Tác động của CNTT đến năng suất hoạt động của các công ty kế toán công” (Banker, 2002). Nghiên cứu thực nghiệm này tập trung vào năm văn phòng của một công ty kế toán công quốc tế gần đây đã đầu tư lớn vào CNTT, chủ yếu vào phần mềm kiểm toán và các ứng dụng chia sẻ kiến thức. Cả thông tin định tính và định lượng từ địa điểm nghiên cứu đều được phân tích để ước tính sự thay đổi về năng suất sau khi triển khai CNTT. Các kết quả từ cả phân tích hồi quy và Phân tích Bao dữ liệu (DEA) cho thấy năng suất tăng đáng kể sau khi triển khai CNTT, chứng minh tác động giá trị của CNTT trong một công ty kế toán công.

Cũng với mục đích nghiên cứu về ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán nhưng có sự mở rộng và toàn diện hơn. Đó là tìm hiểu về thành công của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Có nghiên cứu của Iskandar “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của ứng dụng hệ thống thông tin kế toán” nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của các nhân tố: cam kết quản lý, năng lực và văn hóa tổ chức của người sử dụng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán và tác động của chúng đến chất lượng thông tin kế toán tại các Doanh nghiệp Nhà nước (Iskandar, 2015). Hay nghiên cứu của Ernawatiningsih “Hiệu quả của hệ thống thông tin kế toán và các nhân tố ảnh hưởng” tìm hiểu tác động của các yếu tố: sự khuyến khích, trình độ học vấn, kinh nghiệm và kỹ năng đối với hiệu quả của hệ thống thông tin kế toán (Ernawatiningsih, 2019). Tương tự với 2 nghiên cứu trên, Azmi Fitriati đã tìm hiểu về “Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo đến sự thành công của hệ thống thông tin kế

toán và tác động của nó đến chất lượng thông tin kế toán” nhằm xem xét ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán và tác động của nó đến chất lượng thông tin kế toán (Fitriati, 2015). Kết quả cho thấy phong cách lãnh đạo mạnh mẽ hơn trong tổ chức sẽ nâng cao sự thành công của hệ thống thông tin kế toán. Ngoài ra, ở một trình độ cao hơn của việc ứng dụng CNTT trong kế toán đó là điện toán đám mây thì có nghiên cứu của Ebenezer và cộng sự với tiêu đề “Kế toán ứng dụng điện toán đám mây: Điện toán đám mây có thể chuyển đổi doanh nghiệp như thế nào?” (Ebenezer, 2014). Nghiên cứu cho thấy điện toán đám mây vẫn có thể được áp dụng thành công cho mục đích kế toán.

Nhìn chung có khá nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước viết về chủ đề liên quan đến ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán. Trong đó, các bài viết ngoài nước phong phú và nghiên cứu nhiều nội dung trong chủ đề này. Trong khi đó, các nghiên cứu trong nước chủ yếu tập trung vào việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán. Đặc biệt, tại Việt Nam, liên quan đến đánh giá thực trạng và đưa giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán chưa được thực hiện trên địa bàn thành phố Kon Tum.

PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý thuyết

1.1.1. Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin là một sự phối hợp của các hoạt động: lưu trữ, xử lý, phổ biến và khai thác dữ liệu bằng máy tính và hệ thống viễn thông (Hamlen, 2010). Điều này cũng có thể được định nghĩa là bất kỳ những gì cung cấp dữ liệu hoặc thông tin được cảm nhận thông qua cơ chế phân bổ đa phương tiện ở bất kỳ định dạng trực quan nào (Ghasemi, 2011).

Công nghệ thông tin cũng có thể hiểu là một thành phần vật lý bao gồm phần cứng, phần mềm và mạng, tạo thành thông tin hệ thống (Stair, 2010). Các thành phần của công nghệ thông tin tương tác để thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin cần thiết để hỗ trợ quyết định của một tổ chức (Bentley, 2008). Sau đó, Bagranof tiết lộ rằng công nghệ thông tin bao gồm năm thành phần có thể hỗ trợ triển khai thành công hệ thống thông tin kế toán. Các thành phần này là phần cứng, phần mềm, dữ liệu, con người và quy trình (Bagranof, 2010).

1.1.2. Tác động của công nghệ thông tin đối với công tác kế toán

Trong những năm qua, sự phát triển của công nghệ thông tin cũng đã làm thay đổi hình thái hoạt động quản lý và công việc kế toán trong công ty; nhiều bộ phận được thành lập như bộ phận công nghệ thông tin, bộ phận bảo trì công nghệ thông tin và bộ phận hỗ trợ kỹ thuật (M. Granlund, 2011). Với việc sử dụng rộng rãi ứng dụng CNTT, đặc biệt là Internet, đã thay đổi cách thức hoạt động của các công ty và tổ chức kế toán của họ (M. Granlund, 2007). Trước khi xuất hiện môi trường này, sự hiện diện của CNTT trong tổ chức thường ở dạng các hệ thống máy tính ứng dụng cụ thể, chẳng hạn như tài khoản phải trả và hệ thống báo cáo tài chính, tự động hóa các quy trình hoạt động cụ thể hoặc hỗ trợ các quy trình quản lý nhất định (Teng, 1996). Người ta thường lập luận rằng việc sử dụng đầu tiên của một hệ thống thông tin liên quan đến kế toán (Rom, 2007), bởi vì CNTT thường liên quan đến sổ sách tài chính và hệ thống báo cáo của công ty (M. a. M. Granlund, J., 2003). Hiện nay, việc lưu giữ và truy xuất thông tin kế toán trong hệ thống kế toán trở nên dễ dàng (Chukwu, 2001). Các thông tin này sau đó được truyền đến người dùng bên ngoài và bên trong doanh nghiệp. Người dùng

bên ngoài bao gồm chủ nợ, cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý, nhà cung cấp và khách hàng (T. H. Thabit, & Abbas, N. H. , 2017).

Việc ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán mang lại những lợi ích sau:

- Tiết kiệm chi phí: CNTT có thể giảm đáng kể chi phí kế toán (T. H. Thabit, & Raewf, M. B. , 2016). Trong một lúc, nhiều hoạt động có thể được hợp nhất bằng tài nguyên CNTT. Tiết kiệm chi phí có thể đạt được bằng cách tái sử dụng thông tin, cơ hội làm việc từ xa và kết nối kinh tế (Jameel, 2018).

- Bảo mật tốt: Khi truy cập thông tin bí mật về công ty, việc sử dụng nhận dạng và mật khẩu cung cấp khả năng kiểm soát mạnh mẽ. Thay vì dùng dây buộc giấy tờ, các chương trình máy tính sẽ tăng cường tính an toàn một cách đáng kể (Hamlen, 2010). Việc sử dụng một hệ thống sẽ mã hóa thông tin kế toán theo cách không phạm pháp và an toàn (Yaser, 2020).

- Tính linh hoạt: Trong bộ phận kế toán, công nghệ linh hoạt là cực kỳ cần thiết. Hệ thống kế toán phải có khả năng thích ứng với những thay đổi trong thực tiễn kinh doanh (T. H. Thabit, 2015). Công nghệ thông tin liên quan đến kế toán tạo cơ hội thích ứng với quá trình chuyển đổi. Một số hệ thống có thể nâng cấp khối lượng giao dịch của thực thể (Yaser, 2020).

- Giảm sử dụng giấy: Việc ứng dụng CNTT trong kế toán làm giảm việc sử dụng sổ sách (T. H. Thabit, & Raewf, M. B. , 2016). Nó làm giảm chi phí và loại bỏ những lo ngại về môi trường trong việc sử dụng cây xanh làm giấy (Yaser, 2020)

- Nhanh chóng: Công việc kế toán vẫn gặp nhiều khó khăn do kế toán triển khai công việc kém hoặc chậm trễ (Rahman, 2017). Bằng cách tích hợp CNTT, nhiều tính toán có thể đạt được trong một giây, dẫn đến thông tin kế toán được tạo ra nhanh chóng (Yaser, 2020). Ngày càng có nhiều báo cáo được tạo ra và gửi cho các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp dựa trên việc xử lý dữ liệu nhanh chóng và chính xác của CNTT. Người dùng bên ngoài có thể sử dụng các báo cáo này để đánh giá tình hình doanh nghiệp và thu lợi từ việc đưa ra các quyết định kinh tế kịp thời từ những thông tin đó (Yaser, 2020).

- Tính chính xác cao: Có thể thấy rằng CNTT đã có thể giảm bớt các bước trong chu trình kế toán (Hurt, 2008) và giúp kế toán giảm thiểu hoặc loại bỏ hoàn toàn vấn đề sai sót trong báo cáo tài chính (M. Salehi, Rostami, V., Mogadam, A., 2010). Vì trên hệ thống máy vi tính, kế toán chỉ cần nhập số liệu cần thiết vào máy vi tính để ghi sổ

kế toán. Tất cả các báo cáo được xử lý bằng máy mà không cần thêm nỗ lực của con người (Akabom, 2020). Việc sử dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán đã góp phần giảm thiểu những sai sót ngoài ý muốn và từ đó góp phần phát triển nghề kiểm toán (Yaser, 2020).

- Lưu trữ dữ liệu đơn giản và hiệu quả: Một trong những lợi ích rõ ràng của việc áp dụng CNTT đối với kế toán là tăng cường lưu trữ và lưu trữ hồ sơ. CNTT đã giúp kế toán dễ dàng lưu trữ dữ liệu lớn ở dạng đơn giản hơn bằng cách chuyển đổi hầu hết các tài liệu từ dạng giấy sang dạng điện tử (Imene, 2020)

- Bên cạnh đó, CNTT cũng có những rủi ro tiềm ẩn đối với kế toán viên. Một hạn chế của hệ thống dựa trên nền tảng CNTT là đầu ra phụ thuộc vào đầu vào. Do đó, kế toán phải đảm bảo tính chính xác của thông tin đầu vào (Imene, 2020). Mặt khác, CNTT tạo ra tất cả thông tin mà không quan tâm đến mức độ liên quan của nó và kế toán buộc phải trở thành người phiên dịch thông tin (Crescenzi, 1984) và giải quyết vấn đề quá tải thông tin. Vì vậy, có một tình huống nghịch lý là, mặc dù có rất nhiều thông tin sẵn có, nhưng thường rất khó để có được thông tin hữu ích, phù hợp khi cần (Edmunds, 2000).

1.1.3. Phần mềm kế toán

Một hệ thống kế toán trên máy vi tính có thể được định nghĩa là một phương tiện hiệu quả để lưu giữ hồ sơ kế toán ở dạng điện tử. Phần mềm kế toán là một loại chương trình máy tính đặc biệt giúp quản lý doanh nghiệp (Maruschak, 2021). Định nghĩa phù hợp nhất về phần mềm kế toán được đưa ra bởi Từ điển Kế toán của Barron: 'Phần mềm kế toán là các chương trình được sử dụng để duy trì sổ sách kế toán trên máy tính. Phần mềm này có thể được sử dụng để ghi lại các giao dịch, duy trì số dư tài khoản và lập báo cáo tài chính và báo cáo (Series, 2005).

Theo Misa – một công ty chuyên cung cấp các phần mềm về kế toán thì họ cho rằng phần mềm kế toán là một ứng dụng hỗ trợ xử lý các công việc của nhân viên kế toán. Nói một cách dễ hiểu thì phần mềm kế toán giống như “người trợ lý” giúp các kế toán viên thực hiện các thao tác nghiệp vụ kế toán thường ngày như nhập liệu, tính toán, tổng hợp, lên báo cáo, xuất dữ liệu... một cách tự động, có hệ thống với độ chính xác cao trong thời gian ngắn dựa trên dữ liệu đầu vào do nhân viên cung cấp.

1.1.4. Hệ thống thông tin kế toán

Kết quả của việc áp dụng công nghệ thông tin trong kế toán là việc tạo ra hệ thống thông tin kế toán và đã trải qua một số thay đổi trong những năm qua (M. Salehi, & Abdipour, A. , 2011). Có rất nhiều khái niệm về hệ thống thông tin kế toán đã được đưa ra. Hệ thống thông tin kế toán là một phân hệ chuyên biệt của hệ thống thông tin, trong đó mục đích của hệ thống thông tin kế toán là thu thập, xử lý và báo cáo thông tin liên quan đến các khía cạnh tài chính của hoạt động kinh doanh (Gelinas, 2005). Theo Urquia thì hệ thống thông tin kế toán là hệ thống thuộc lĩnh vực công nghệ kế toán, được sử dụng để giúp quản lý, kiểm soát các dữ liệu, thông tin liên quan đến lĩnh vực kinh tế, tài chính của doanh nghiệp (Urquia, 2011). Trong khi đó, (Hurt, 2008) giải thích rằng hệ thống thông tin kế toán là một tập hợp các hoạt động, tài liệu và công nghệ có liên quan với nhau được thiết kế để thu thập dữ liệu, xử lý và báo cáo thông tin cho các nhóm nội bộ khác nhau và những người ra quyết định bên ngoài trong tổ chức. Một điểm tương tự đã được thể hiện bởi (Bagranof, 2010) cho rằng hệ thống thông tin kế toán là quy trình thu thập và xử lý dữ liệu nhằm tạo ra thông tin cần thiết cho người dùng. Có thể kết luận rằng bản chất của hệ thống thông tin kế toán là một tập hợp các thành phần thu thập, ghi chép, lưu trữ và xử lý dữ liệu để tạo ra thông tin cho những người ra quyết định (M. B. Romney, Steinbart, P. J. , 2009).

Hệ thống thông tin kế toán có 6 thành phần (M. B. a. S. Romney, P. j., 2012), đó là: (1) Con người, (2) Các quy trình và hướng dẫn sử dụng để thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu, (3) Dữ liệu về tổ chức và các hoạt động kinh doanh của tổ chức, (4) Phần mềm kế toán, ((5) Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm máy tính, thiết bị ngoại vi và thiết bị mạng; và (6) Nội bộ doanh nghiệp

Ba chức năng của hệ thống thông tin kế toán là hỗ trợ các hoạt động hàng ngày của công ty, hỗ trợ quá trình ra quyết định và hỗ trợ công ty đáp ứng trách nhiệm của mình đối với các đối tượng bên ngoài (Susanto, 2008). Những vai trò này của hệ thống thông tin kế toán trong công ty có thể mang lại giá trị gia tăng cho người dùng dưới hình thức cung cấp thông tin tài chính để lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định của công ty, điều này cuối cùng có thể cải thiện hiệu suất chung của công ty, cụ thể là hiệu quả tài chính và phi tài chính. (M. B. Romney, Steinbart, P. J. , 2009).

Hệ thống thông tin kế toán được coi là một yếu tố quan trọng trong sự bền vững và thành công của một tổ chức. Hệ thống thông tin kế toán có thể nói là hiệu quả nếu hệ

thông đó có khả năng tạo ra thông tin một cách kịp thời, chính xác và đáng tin cậy (Ernawatiningsih, 2019). Trong hệ thống thông tin kế toán, các tổ chức sử dụng nhiều hình thức công nghệ thông tin. Hệ thống thanh toán dựa trên máy tính đã được phát triển nhờ những tiến bộ trong công nghệ thông tin (Li, 2013). Dữ liệu kế toán được lưu giữ độc lập với các dữ liệu xử lý khác trong hệ thống này. Tại thời điểm này, công việc được phân chia nhiều hơn để duy trì tính toàn vẹn của hệ thống thông tin kế toán (Arasteh, 2010).

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Bài nghiên cứu thực hiện theo phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với phương pháp nghiên cứu định tính. Trong đó, phương pháp nghiên cứu định lượng nhằm đánh giá thực trạng và mức độ hiệu quả khi ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp. Phương pháp nghiên cứu định tính nhằm tìm hiểu những lợi ích, khó khăn khi sử dụng Excel/phần mềm kế toán trong công tác kế toán. Đồng thời, phương pháp nghiên cứu định tính còn được sử dụng để tìm hiểu, phân tích những yếu tố trong Excel/phần mềm kế toán cần được cải tiến, cũng như những vấn đề mà doanh nghiệp muốn được hỗ trợ và cải thiện từ phía Nhà nước để có thể thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán. Nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào thống kê mô tả thông qua phần mềm SPSS 20.

2.2. Thang đo

Trong bài nghiên cứu này, thang đo Likert 5 được sử dụng để đo lường thực trạng sử dụng phần mềm kế toán/ Excel vào tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp. Trong đó: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Trung bình; 4 = Khá; 5 = Tốt. Đồng thời thang đo Likert 5 cũng được sử dụng để đánh giá mức độ hiệu quả mang lại khi sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp với các mức: 1 = Rất không hiệu quả, 2 = Không hiệu quả, 3 = Bình thường, 4 = Hiệu quả, 5 = Rất hiệu quả.

2.3. Chọn mẫu và bảng hỏi

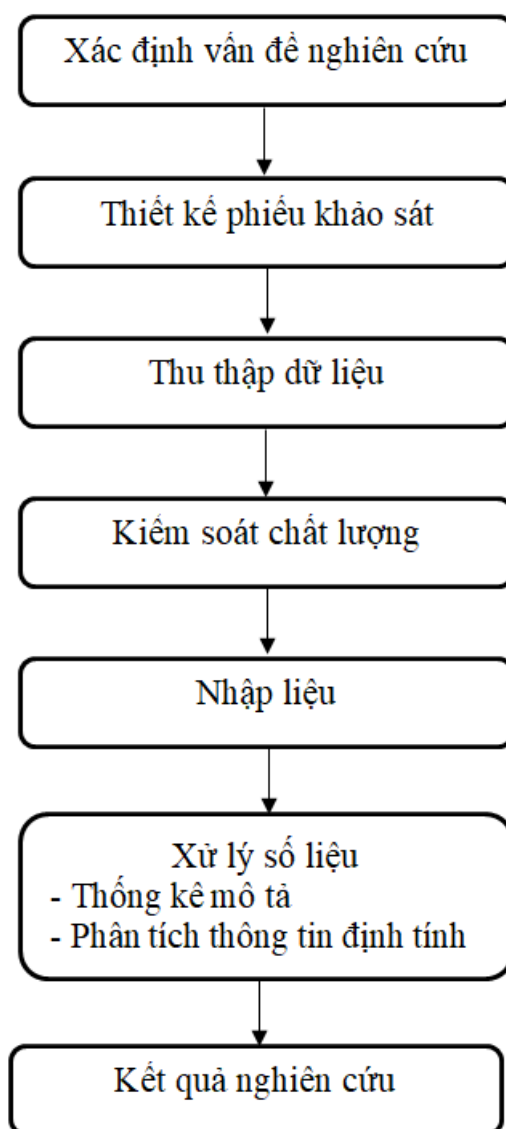
Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là những doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum có tổ chức công tác kế toán. Đối tượng khảo sát là kế toán viên tại các doanh nghiệp nói trên và có thời gian làm việc với excel/ phần mềm kế toán tại doanh nghiệp

từ 1 năm trở lên. Đề tài đưa ra điều kiện lựa chọn đối tượng khảo sát như trên vì kế toán viên chính là người trực tiếp làm việc trên các ứng dụng CNTT sử dụng trong kế toán (excel/phần mềm kế toán) và thời gian làm việc tối thiểu 1 năm đủ để họ đánh giá được thực trạng, lợi ích cũng như những khó khăn cần được khắc phục khi ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán. Do đó, để chọn mẫu, dựa trên danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum có được từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum, nhóm tác giả tiến hành chọn ra những doanh nghiệp có thể tiếp cận được và thỏa mãn điều kiện về đối tượng nghiên cứu và đối tượng khảo sát đã trình bày ở đầu nội dung này để tiến hành khảo sát. Việc thu thập dữ liệu được tiến hành thông qua công cụ google forms, và gửi bảng câu hỏi trực tiếp.

Bảng hỏi: để đưa ra bảng hỏi cho nghiên cứu này, tác giả đã tham khảo một số bảng hỏi có liên quan trong một số bài viết khác như: “Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Hồ Chí Minh(Lý,2016)”; “Thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại một số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Đà Nẵng (Hạnh,2020)”... Đồng thời, để bảng câu hỏi phù hợp với đối tượng khảo sát thì tác giả cũng sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia (giảng viên giảng dạy môn Hệ thống thông tin kế toán tại phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum, kế toán tại một số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum) về các dung: đặc tính của phần mềm kế toán, các lợi ích và khó khăn trong quá trình sử dụng phần mềm kế toán. (Nội dung bảng hỏi khảo sát xem ở phụ lục)

2.4. Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu được mô tả tóm tắt thông qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1. Quy trình nghiên cứu

Mô tả quy trình:

Xác định vấn đề nghiên cứu là bước đầu tiên trong đề tài và cũng có thể nói đây là bước quan trọng nhất. Nghiên cứu này kết hợp hai phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính. Công cụ thu thập dữ liệu trong nghiên cứu này là bảng câu hỏi (hay phiếu khảo sát). Bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên những mục tiêu của đề tài. Để có được dữ liệu cho nghiên cứu, bảng câu hỏi sẽ được gửi đến cho các đối tượng khảo sát thông qua phương thức trực tiếp và công cụ google forms. Giai đoạn kiểm soát chất lượng dữ liệu, cần tiến hành làm sạch dữ liệu (cleaning data). Làm sạch dữ liệu nhằm mục đích phát hiện các sai sót có thể xảy ra như: các ô trống (missing data), trả lời không hợp lý. Trong giai đoạn nhập liệu, tiến hành mã hóa dữ liệu (coding): là quá trình chuyển đổi các trả lời dưới dạng số để nhập và xử lý. Số liệu

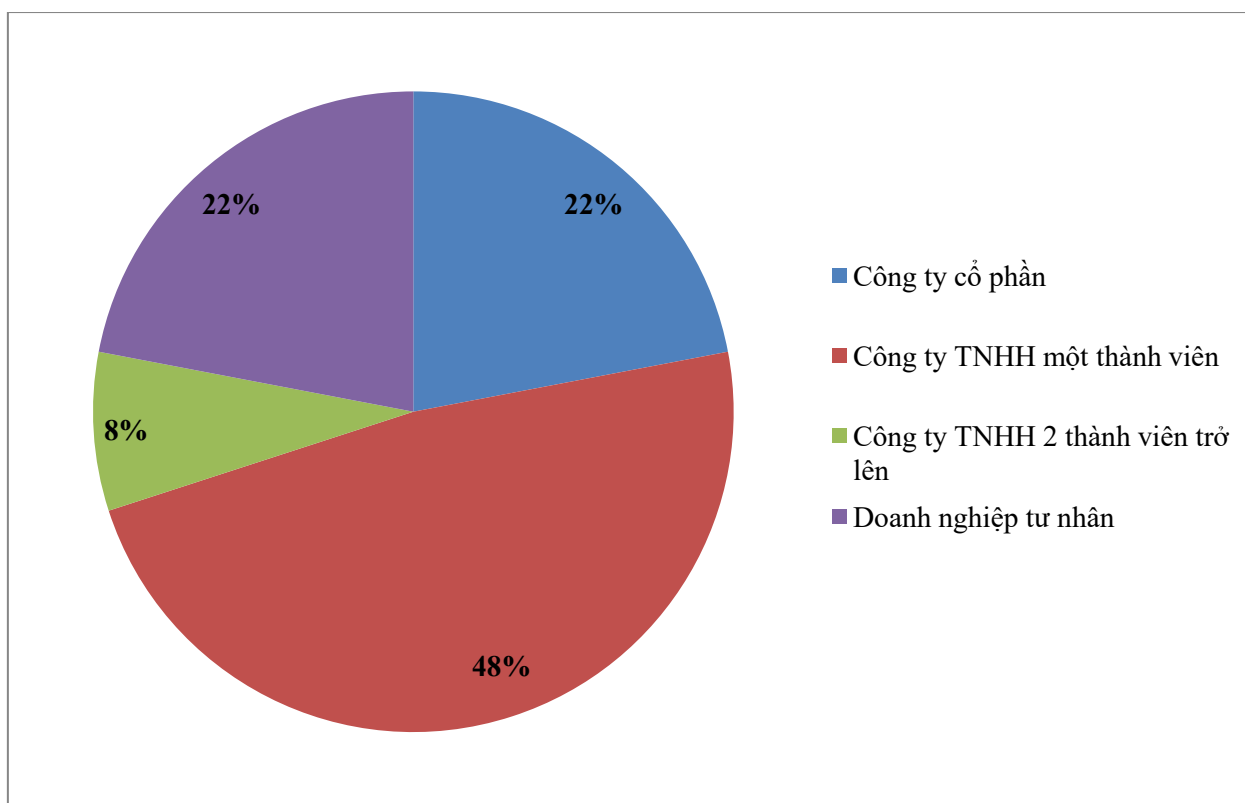
sau khi nhập xong được xử lý thông qua phần mềm SPSS 20. Tiếp theo, phân tích thống kê mô tả và phân tích thông tin định tính được sử dụng để cho ra kết quả nghiên cứu.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ KON TUM

2.1. Thông tin mẫu nghiên cứu

Để hiểu rõ được thực trạng ứng dụng CNTT trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum. Tác giả đã tiến hành khảo sát 50 doanh nghiệp bằng cách sử dụng bảng câu hỏi khảo sát thông qua công cụ google forms, và gửi bảng câu hỏi trực tiếp. Kết quả nhận được 50 phiếu trả lời khảo sát. Trong đó, 30 phiếu theo hình thức khảo sát trực tiếp và 20 phiếu thông qua google forms. Tất cả 50 phiếu này đều hợp lệ.

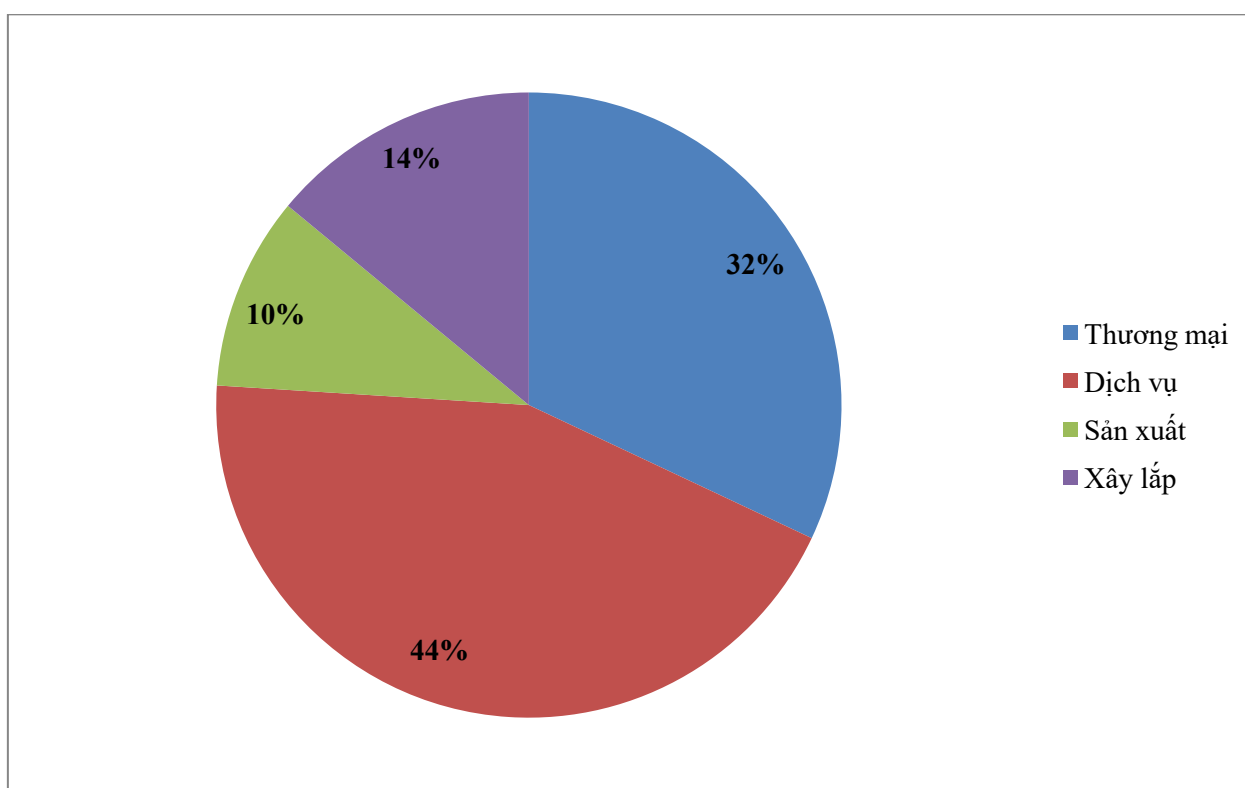
Qua kết quả khảo sát cho thấy, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum chủ yếu thuộc loại hình Công ty TNHH Một thành viên với 24 doanh nghiệp (chiếm 48%), tiếp đến là Công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân với số lượng bằng nhau là 11 doanh nghiệp (chiếm 22%), cuối cùng là Công ty TNHH 2 thành viên trở lên với 4 Doanh nghiệp (chiếm 8%).



Biểu đồ 2.1. Hình thức sở hữu của doanh nghiệp

Trong 50 doanh nghiệp được khảo sát, có khoảng 22 doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ chiếm 44%, thương mại chiếm 32% (16/50 doanh nghiệp), xây lắp chiếm 14% (7/50 doanh nghiệp), sản xuất chiếm 10% (5/50 doanh nghiệp).

Sở dĩ ngành dịch vụ và thương mại chiếm tỉ trọng cao là do thành phố Kon Tum đang chú trọng đẩy mạnh, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân đầu tư thương mại, dịch vụ. Hiện nay, ngành dịch vụ và thương mại đang ngày càng chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế Kon Tum. Các loại hình dịch vụ đang được chú trọng đầu tư để thu hút khách du lịch trong và ngoài tỉnh như: giải trí Hồ Đắc Cầm, di tích lịch sử Ngục Kon Tum. Do đó, việc chú trọng đầu tư dịch vụ, thương mại là đi đúng hướng, thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững.



Biểu đồ 2.2. Lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp

Đa số các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum trong khảo sát này là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với 35 doanh nghiệp (chiếm 70%), doanh nghiệp quy mô lớn có 12 doanh nghiệp (chiếm 24%), còn lại là doanh nghiệp siêu nhỏ với 3 doanh nghiệp (chiếm 6%). Mặc dù, các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tỷ trọng lớn trong mẫu nghiên cứu, nhưng đa số các doanh nghiệp này đều hoạt động trên 5 năm với 38 doanh nghiệp (chiếm 76%), từ trên 3 năm đến 5 năm là 10 doanh nghiệp (chiếm 20%), những doanh nghiệp còn khá non trẻ với thời gian hoạt động từ 1 đến 3 năm chỉ có 2 Doanh nghiệp (chiếm 4%).

Người thực hiện khảo sát trong nghiên cứu này chủ yếu là kế toán viên với 48 người (chiếm 96%), kế toán trưởng có 2 người (chiếm 4%). Với đa số người khảo sát là kế toán viên có thể ảnh hưởng khá lớn đến kết quả khảo sát, vì kế toán viên thường chưa bao quát hết các công việc về kế toán trong doanh nghiệp bằng kế toán trưởng. Tuy nhiên, điều này chỉ đúng với các doanh nghiệp lớn. Còn trên địa bàn thành phố Kon Tum chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thường chỉ có 1-2 kế toán viên đảm nhận và kiêm nhiệm nhiều vị trí kế toán khác nhau nên họ bao quát được các công việc kế toán tại đơn vị. Ngoài ra, thời gian gắn bó làm việc tại doanh nghiệp tương đối dài (từ trên 3 năm đến 10 năm có 42 người, chiếm 84%) nên họ nắm bắt và hiểu rõ công việc kế toán tại đây.

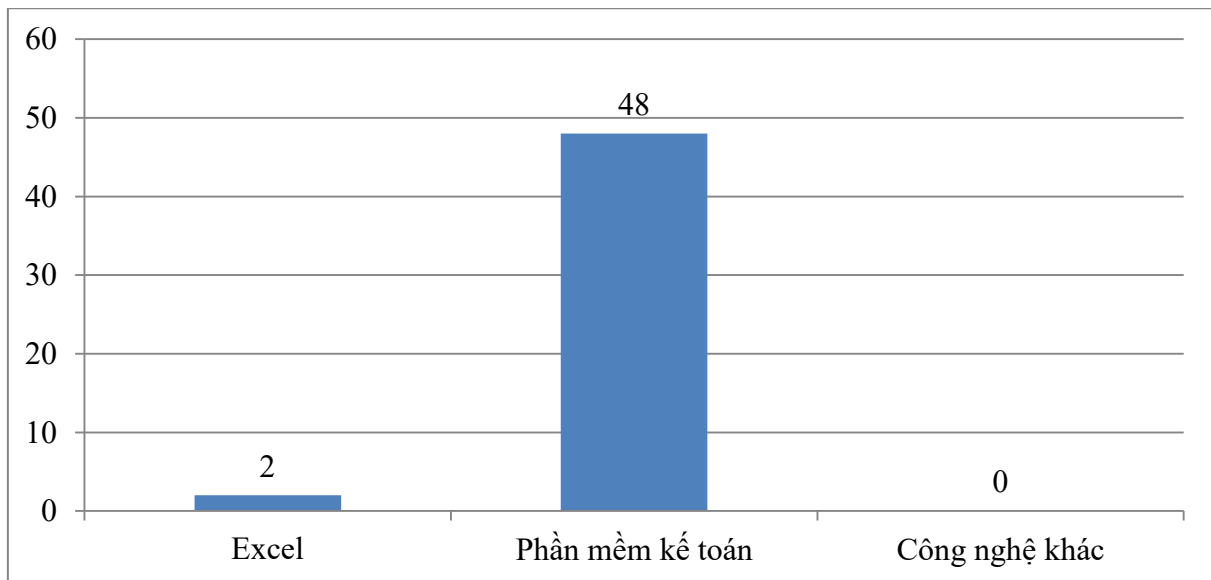
	Tần số	Tỷ lệ (%)
Quy mô doanh nghiệp		
Lớn	12	24
Vừa và nhỏ	35	70
Siêu nhỏ	3	6
Cộng	50	100
Thời gian hoạt động		
Từ 1 đến 3 năm	2	4
Từ trên 3 năm đến 5 năm	10	20
Trên 5 năm	38	76
Cộng	50	100
Vị trí công việc		
Kế toán viên	48	96
Kê toán trưởng	2	4
Cộng	50	100
Thời gian làm việc		
Từ 1 đến 3 năm	8	16
Từ trên 3 năm đến 5 năm	17	34
Từ trên 5 năm đến 8 năm	12	24
Từ trên 8 năm đến 10 năm	13	26
Trên 10 năm	0	0

Cộng	50	100
-------------	-----------	------------

Bảng 2.1. Thống kê một số đặc điểm mẫu khảo sát

2.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Kon Tum

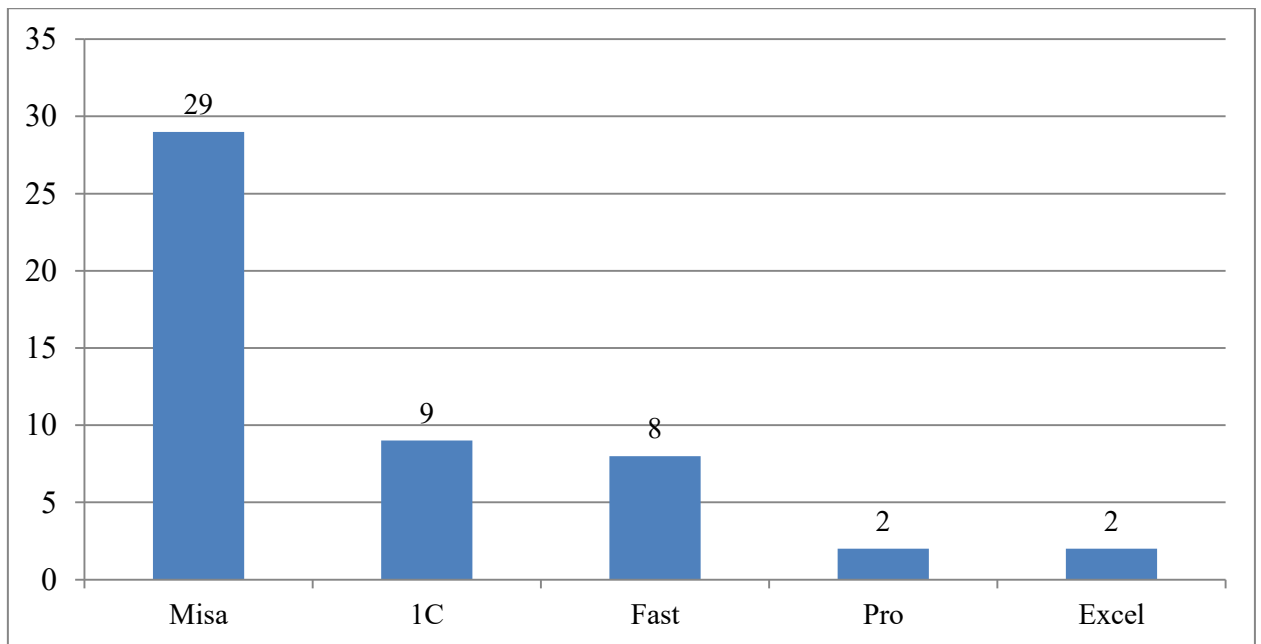
Kết quả khảo sát cho thấy tất cả 50 doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum trong mẫu nghiên cứu đều đã ứng dụng CNTT trong công tác kế toán ở các mức độ khác nhau. Trong đó 48/50 doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng (chiếm 96%), chỉ có 2/50 doanh nghiệp sử dụng excel (chiếm 4%) và không có doanh nghiệp nào sử dụng kế toán thủ công. Điều này rất dễ hiểu vì kế toán thủ công là công việc kế toán hoàn toàn trên giấy đòi hỏi người kế toán phải mất nhiều thời gian và công sức cho công việc của mình. Tuy nhiên nó lại tiềm ẩn nhiều rủi ro về sai sót. Do đó, kế toán thủ công gần như không phù hợp với xu thế hiện nay, đặc biệt là trong thời kỳ công nghệ thông tin bùng nổ như hiện nay. Sử dụng excel trong công tác kế toán được xem là mức độ ứng dụng CNTT giản đơn và thấp hơn so với phần mềm kế toán. Các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum hiện nay chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó có một số ít doanh nghiệp siêu nhỏ (trong mẫu nghiên cứu này có 3/50 là doanh nghiệp siêu nhỏ). Các doanh nghiệp này có số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh tương đối ít và đơn giản nên họ lựa chọn excel để hỗ trợ trong công tác kế toán là phù hợp với thực tế và tiết kiệm chi phí (chi phí mua, bảo trì, nâng cấp phần mềm kế toán...). Đa số các doanh nghiệp hiện nay nói chung và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum nói riêng đều hướng đến sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng vì những lợi ích vượt trội mà nó mang lại. Trong đó có thể kể đến như: tiết kiệm thời gian, công sức, nhanh chóng, chính xác..... Đó là lý do mà có đến 96% các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum trong nghiên cứu này đã lựa chọn phần mềm kế toán chuyên dụng thay cho kế toán thủ công và kế toán excel. Đây được xem là một tín hiệu đáng mừng trong thời đại kỹ thuật số như hiện nay. Đồng thời, kết quả khảo sát trong nghiên cứu này cũng cho thấy rằng vẫn chưa có doanh nghiệp nào sử dụng các công nghệ khác như : Công nghệ IoT, trí tuệ nhân tạo AI, điện toán đám mây, dữ liệu lớn,..... Đây được xem là những công nghệ mới, hiện đại và đã dần được đưa vào sử dụng trong lĩnh vực kế toán.



Biểu đồ 2.3. Hình thức kế toán sử dụng tại doanh nghiệp

Vì chưa có nghiên cứu trước đó về mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán trên địa bàn thành phố Kon Tum. Do đó, chúng tôi không thể so sánh được mức độ ứng dụng CNTT này là cao hay thấp so với những năm trước đó, và kết quả này có sự tăng dần qua các năm hay không. Tuy nhiên, khi tiến hành so sánh kết quả này với nghiên cứu ở các thành phố khác thì đây là một mức độ tương đối cao. Kết quả nghiên cứu của tác giả Phan Lê Trang (2022) về “Xác định nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội” cho thấy có trên 50% số doanh nghiệp (mẫu khảo sát 147 doanh nghiệp) không ứng dụng hoặc ứng dụng CNTT ở mức giản đơn trong công tác kế toán; có trên 34% số DN khảo sát đã và đang sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng.

Trên thị trường hiện nay, các phần mềm kế toán chuyên dụng được đưa ra để hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác kế toán rất nhiều. Chủ yếu, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum lựa chọn phần mềm MISA cho doanh nghiệp của mình (29/50 doanh nghiệp chiếm 58%), còn lại lần lượt là các phần mềm như: 1C (9 doanh nghiệp), FAST (8 doanh nghiệp), PRO (2 doanh nghiệp), excel (2 doanh nghiệp).



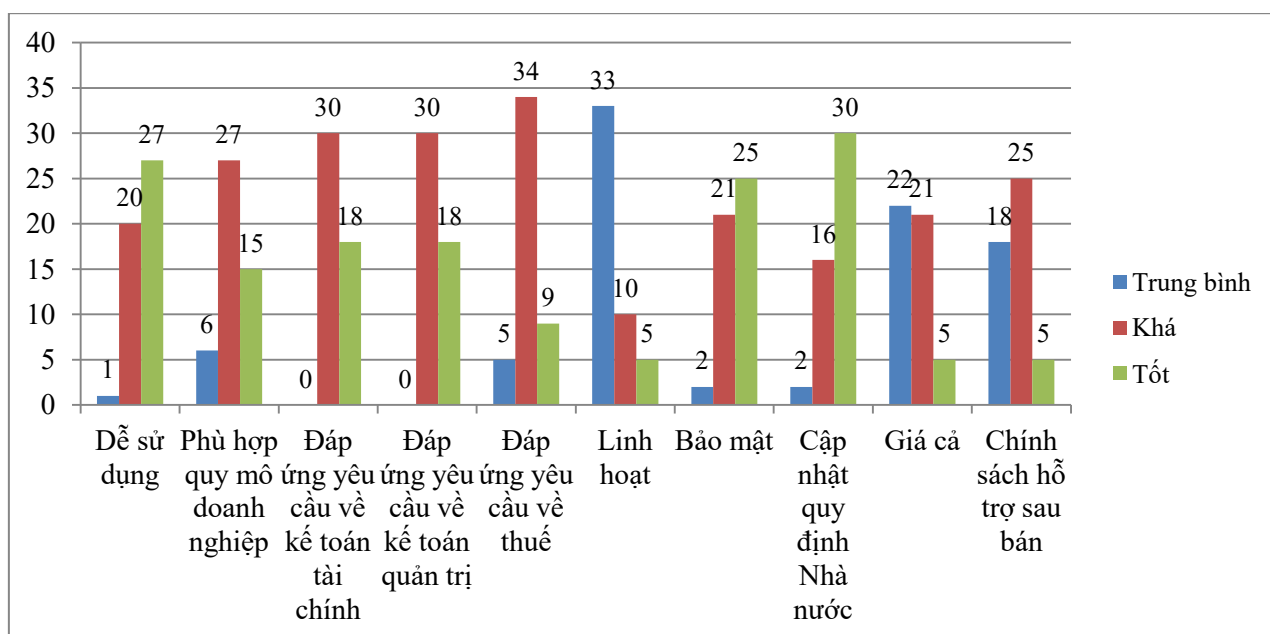
Biểu đồ 2.4. Phần mềm kế toán doanh nghiệp sử dụng

Qua kết quả khảo sát, tất cả 50 doanh nghiệp đã có ứng dụng CNTT trong kế toán thì các doanh nghiệp này chưa từng thay đổi phần mềm kế toán so với phần mềm được ứng dụng ban đầu. Các doanh nghiệp có xu hướng giữ nguyên phần mềm mình đang sử dụng và chỉ nâng cấp lên. Điều này cho thấy, ngay từ ban đầu, ban lãnh đạo và kế toán viên của công ty đã rất cân nhắc và thận trọng trong việc lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp cho doanh nghiệp của mình.

Kết quả còn cho thấy, doanh nghiệp từ ban đầu sẽ có xu hướng lựa chọn mua những phần mềm kế toán chuyên dụng được đóng gói và lập trình sẵn mà doanh nghiệp thấy phù hợp với đơn vị của mình. Do đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp không đòi hỏi doanh nghiệp phải thiết lập một phần mềm riêng. Mặt khác, những phần mềm kế toán đóng gói thường rẻ hơn so với các phần mềm thiết kế riêng cho doanh nghiệp, do đó sẽ giúp tiết kiệm chi phí hơn. Đặc điểm chung của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum là sử dụng những phần mềm kế toán trong nước.

Có thể thấy phần mềm kế toán chuyên dụng đang là sản phẩm ứng dụng CNTT phổ biến nhất trong lĩnh vực kế toán hiện nay và đáp ứng được các yêu cầu của người dùng. Trong nghiên cứu này thì có đến 96% doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum đã sử dụng sản phẩm trên. Do đó, ở phần tiếp theo tác giả sẽ tập trung đánh giá và phân tích về những lợi ích cũng như khó khăn trong quá trình sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng của các doanh nghiệp trên.

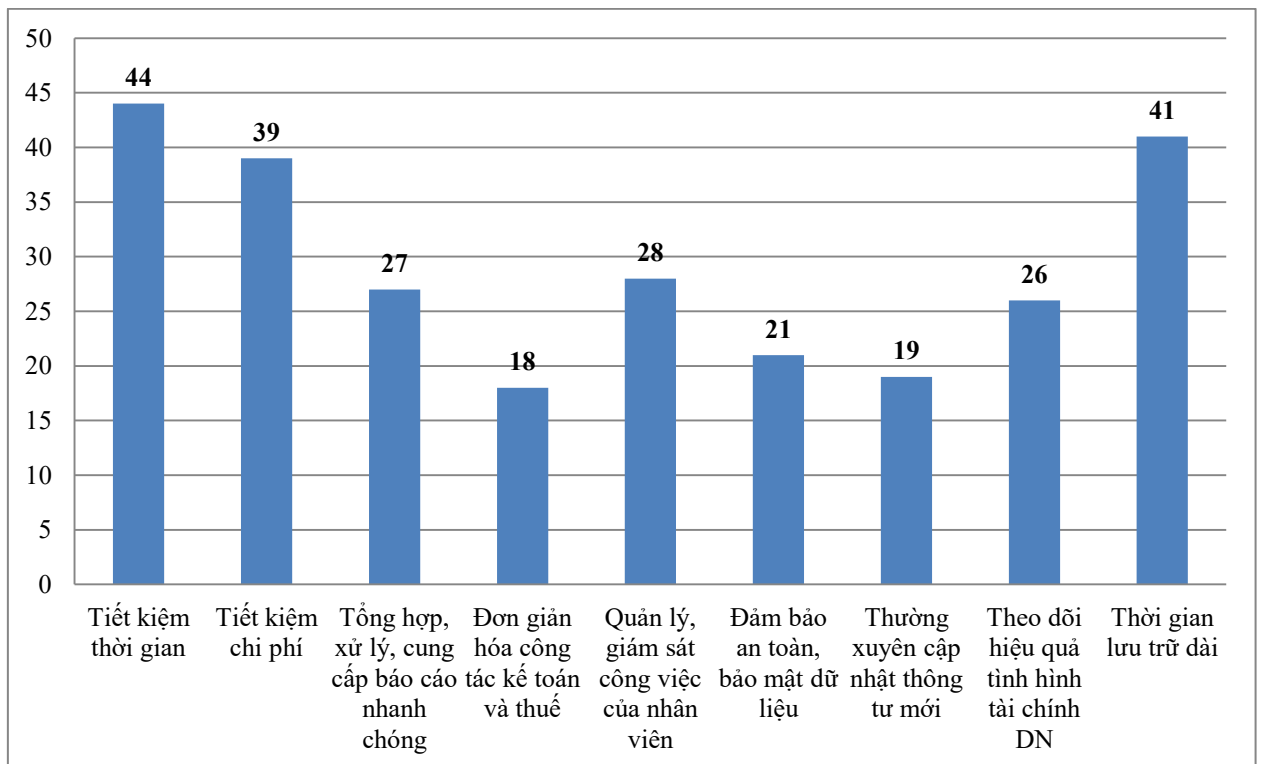
Khi được hỏi về những phần mềm kế toán đang sử dụng thì đa số các doanh nghiệp đánh giá khá tích cực. Cụ thể, các tiêu chí được đánh giá cao nhất là: đáp ứng các yêu cầu về kế toán tài chính; đáp ứng các yêu cầu về kế toán quản trị; dễ sử dụng; cập nhật các quy định Nhà nước; Bảo mật; đáp ứng các yêu cầu về thuế. Có thể thấy đây là những điểm nổi bật của phần mềm kế toán. Hiện nay, thị trường phần mềm kế toán rất đa dạng và có tính cạnh tranh cao, đòi hỏi các nhà sản xuất phần mềm kế toán luôn cải tiến sản phẩm của mình để có thể cạnh tranh với các đối thủ khác. Do đó mà các sản phẩm phần mềm kế toán chuyên dụng ngày càng đáp ứng được nhu cầu công việc kế toán của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, ở một số tiêu chí vẫn còn những hạn chế nhất định, điển hình một số điểm chưa được người dùng đánh giá cao như: tính linh hoạt; giá cả; chính sách hỗ trợ sau bán; phù hợp với quy mô doanh nghiệp. Trong đó, đáng chú ý là tính linh hoạt chưa được đánh giá cao, 33/48 doanh nghiệp thấy rằng tính linh hoạt (có thể nâng cấp, cập nhật, thay đổi theo yêu cầu quản lý) chỉ ở mức trung bình, 15/48 doanh nghiệp đánh giá ở mức khá và tốt. Nhìn tổng quan tất cả các tiêu chí thì có thể thấy, hiện nay các phần mềm kế toán hỗ trợ rất tốt công tác kế toán và mức độ hài lòng của doanh nghiệp về phần mềm kế toán cũng rất cao.



Biểu đồ 2.5. Thực trạng ứng dụng của phần mềm kế toán tại doanh nghiệp

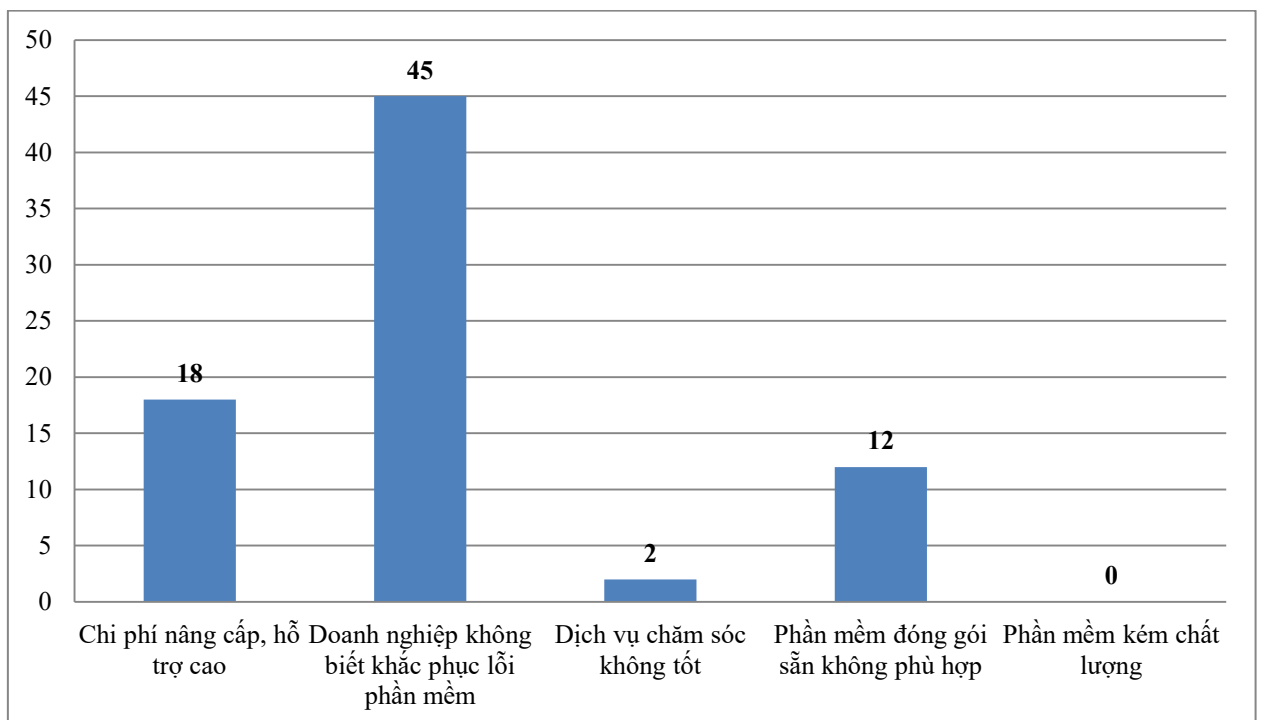
Không thể phủ nhận việc ứng dụng phần mềm kế toán mang lại rất nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp như: tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, thời gian lưu trữ dài... Điều này giúp các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả hơn khi không mất quá nhiều thời gian cho công việc kế toán. Kết quả khảo sát trong nghiên cứu cho thấy rằng: khi

được hỏi về những lợi ích mà phần mềm kế toán đang sử dụng mang lại thì có đến 44/48 doanh nghiệp đồng ý với lợi ích về tiết kiệm thời gian, 41/48 doanh nghiệp thấy được lợi ích về thời gian lưu trữ dài, 39/48 doanh nghiệp nhận thấy lợi ích về tiết kiệm chi phí. Đây là 3 lợi ích được các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum đánh giá cao nhất. Có thể thấy rằng điểm ưu việt nổi bật nhất của các phần mềm kế toán hiện nay là tiết kiệm được rất nhiều thời gian so với phương thức kế toán thủ công. Ngoài ra, thông qua việc sử dụng phần mềm kế toán, các dữ liệu sẽ được lưu trữ lâu dài dưới dạng điện tử thuận tiện cho công tác kiểm tra, so sánh, đối chiếu... sau này của doanh nghiệp. Khi được phần mềm kế toán hỗ trợ thì doanh nghiệp không phải thuê nhiều người để có thể đảm nhận hết các công việc kế toán, do đó sẽ giúp các doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí nhân lực. Ngoài 3 lợi ích nổi bật trên thì phần mềm kế toán còn mang lại nhiều lợi ích khác được doanh nghiệp đánh giá cao như: quản lý, giám sát công việc của nhân viên (28/48 doanh nghiệp chọn); Tổng hợp, xử lý và cung cấp báo cáo nhanh chóng, chính xác, kịp thời (27/48 doanh nghiệp chọn); Theo dõi hiệu quả tình hình tài chính (26/48 doanh nghiệp chọn); Đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu (21/48 doanh nghiệp chọn); Thường xuyên cập nhật các thông tin, nghị định mới (19/48 doanh nghiệp chọn); Đơn giản hóa công tác kế toán và thuế (18/48 doanh nghiệp chọn).



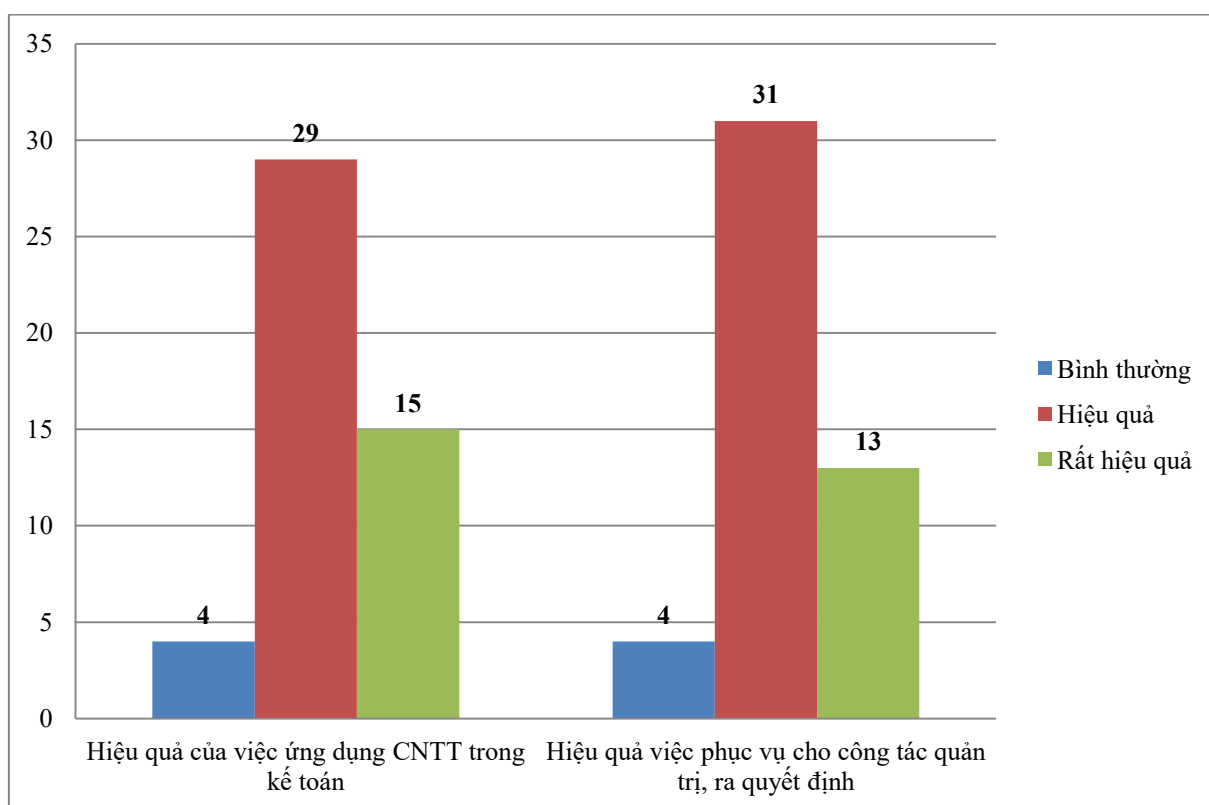
Biểu đồ 2.6. Lợi ích khi sử dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp

Bên cạnh những lợi ích mà phần mềm kế toán mang lại thì vẫn còn tồn tại những khó khăn trong quá trình sử dụng. Khó khăn lớn nhất mà doanh nghiệp gặp phải trong quá trình sử dụng phần mềm kế toán là không biết cách khắc phục lỗi khi gặp sự cố xảy ra. Đa số các lỗi phát sinh là thuộc về phần kỹ thuật, lập trình nên bản thân người kế toán không thể khắc phục được những lỗi này. Khi đó phải nhờ đến sự hỗ trợ của đơn vị sản xuất phần mềm. Tuy nhiên, phần lớn các nhà sản xuất phần mềm hỗ trợ khắc phục lỗi từ xa nên quá trình sẽ mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: đường truyền mạng, sắp xếp thời gian của hai bên, ... Đây là vấn đề mà hầu như doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán đều gặp phải (có 45/48 doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu gặp phải vấn đề này). Một khó khăn khác tương đối phổ biến, đó là chi phí nâng cấp, hỗ trợ cao, có 18/48 doanh nghiệp gặp vấn đề này. Chi phí nâng cấp, hỗ trợ chỉ phát sinh đối với các phần mềm kế toán chuyên dụng, đây là phần mềm đóng gói nên khi doanh nghiệp muốn nâng cấp, hỗ trợ trong quá trình sử dụng thì phải trả phí cho nhà sản xuất phần mềm. Các phần mềm kế toán chuyên dụng thường được lập trình theo khuôn khổ mang tính chất bao quát chung nên dễ xảy ra trường hợp những phần mềm đóng gói sẵn này sẽ không phù hợp với đặc điểm của từng doanh nghiệp, có 12/48 doanh nghiệp gặp phải vấn đề này. Ngoài ra, có 2/48 doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu phản ánh về tình trạng dịch vụ chăm sóc không tốt và không có doanh nghiệp nào dùng phải phần mềm kém chất lượng.



Biểu đồ 2.7. Các khó khăn doanh nghiệp gặp phải khi sử dụng phần mềm kế toán

Hiệu quả của việc ứng dụng CNTT được các doanh nghiệp đánh giá khá cao cả trong tổ chức công tác kế toán và phục vụ cho các nhà quản trị ra quyết định (với 44/48 doanh nghiệp đánh giá hiệu quả và rất hiệu quả). Với sự hỗ trợ của CNTT bộ phận kế toán làm việc hiệu quả, số liệu kế toán đưa ra sẽ chuẩn xác, đáng tin cậy hơn, điều này giúp ban lãnh đạo nhìn nhận đúng vấn đề thực tế của doanh nghiệp mình, từ đó đưa ra những phương án giải quyết đúng đắn và kịp thời. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị sử dụng chưa hiệu quả phần mềm vì một số nguyên nhân chủ quan và khách quan (4/48 doanh nghiệp đánh giá ở mức bình thường). Các doanh nghiệp cần đưa ra các biện pháp khắc phục và xử lý để đơn vị hoạt động hiệu quả hơn.



Biểu đồ 2.8. Mức độ hiệu quả mang lại khi sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin

Tóm lại, thông qua kết quả khảo sát của 50 doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum cho thấy rằng tất cả các doanh nghiệp đều ý thức được vai trò của CNTT trong tổ chức công tác kế toán. Do đó, 100% doanh nghiệp đã đưa CNTT vào để hỗ trợ cho công việc kế toán tại đơn vị của mình. Trong đó, có 2 doanh nghiệp ứng dụng ở mức giản đơn trên Excel và 48 doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng. Các doanh nghiệp này đều đánh giá khá cao và hài lòng về phần mềm kế toán mà mình đang sử dụng. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề mà doanh nghiệp sản xuất phần mềm cần quan tâm cải thiện hơn nữa để việc ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán có thể mang lại những hiệu quả tốt hơn nữa.

CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1. Giải pháp từ phía nhà sản xuất phần mềm kế toán

Để khuyến khích cũng như thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng CNTT trong công tác kế toán thì đòi hỏi việc ứng dụng đó phải mang lại lợi ích và quá trình sử dụng phải dễ dàng và thuận tiện cho người dùng. Do đó, phía nhà sản xuất các phần mềm kế toán phải luôn cải tiến sản phẩm và đồng thời phải khắc phục những lỗi còn tồn tại trong phần mềm. Song song với đó là quá trình hỗ trợ người dùng. Các công ty cung cấp phần mềm nên thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo kỹ năng xử lý các lỗi thường xảy ra trong doanh nghiệp cho các cá nhân trực tiếp sử dụng phần mềm để doanh nghiệp dễ dàng, tự chủ hơn trong việc khắc phục lỗi. Ngoài ra, chi phí nâng cấp, hỗ trợ cao cũng là một trong những rào cản của doanh nghiệp khi tiếp cận phần mềm kế toán, đặc biệt là các doanh nghiệp đóng trên các địa bàn có tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn như ở Kon Tum. Do đó, nhà sản xuất phần mềm nên có phương án hỗ trợ về chi phí nâng cấp cũng như chi phí mua phần mềm cho các doanh nghiệp này. Đây là chính sách tốt cho doanh nghiệp sản xuất phần mềm. Theo kết quả khảo sát trong nghiên cứu này thì đa số các doanh nghiệp hiện nay dùng phần mềm kế toán Misa, còn các phần mềm kế toán khác còn tương đối xa lạ. Do đó, nếu áp dụng chính sách hỗ trợ chi phí nâng cấp và chi phí mua phần mềm kế toán cho các doanh nghiệp tại Kon Tum thì có thể giúp Misa tạo được hình ảnh đẹp và tiếp tục quảng bá cho thương hiệu của mình. Đồng thời, đối với các doanh nghiệp sản xuất phần mềm kế toán khác, thì chính sách này có thể là giải pháp marketing hữu ích cho thương hiệu phần mềm giúp người dùng biết đến nhiều hơn về thương hiệu phần mềm kế toán của họ, từ đó có thể thâm nhập sâu vào các thị trường tiềm năng trên địa bàn thành phố Kon Tum và các huyện ngoài thành phố Kon Tum. Ngoài ra, các công ty sản xuất phần mềm cũng cần chú trọng đến dịch vụ chăm sóc khách hàng sau khi mua phần mềm để góp phần làm tăng sự hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm phần mềm kế toán.

Theo kết quả khảo sát trong nghiên cứu này về ý kiến góp ý của người dùng phần mềm kế toán thì có 5 doanh nghiệp mong muốn đơn vị sản xuất phần mềm có thể cải tiến về tính năng linh hoạt về địa điểm làm việc, thao tác trên phần mềm kế toán. Do đó, để tạo thuận tiện cho người dùng, nhà sản xuất phần mềm cần tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng đồng thời phần mềm kế toán online để có thể sử dụng linh hoạt

ngay cả trên các thiết bị di động, ở mọi lúc mọi nơi thay vì cài đặt sẵn trên máy tính, chỉ làm việc cố định tại các văn phòng, bất tiện cho kế toán viên khi muốn xử lý công việc tại nhà.

Một thực tế có thể thấy rằng chuyển đổi số đang ngày càng phát triển mạnh mẽ và sẽ là xu thế chung của toàn cầu. Việt Nam sẽ không đứng ngoài xu thế đó. Do đó, để có thể bắt kịp và ngày càng thỏa mãn nhu cầu của người dung thì các nhà sản xuất phần mềm kế toán nên đưa các công nghệ mới vào trong sản phẩm của mình.

- Công nghệ IoT: giúp quy trình kế toán được thực hiện theo thời gian thực, giúp dữ liệu kế toán được kết nối với nhau đảm bảo sự chính xác tuyệt đối.

- Trí tuệ nhân tạo (AI): giúp giảm bớt công việc của người làm kế toán, tài chính. Nhiều giao dịch cơ bản, kỹ thuật nghiệp vụ diễn ra thường xuyên liên tục đã được trí tuệ nhân tạo xử lý giúp con người nhằm rút ngắn thời gian và nâng cao năng suất nghề nghiệp.

- Dữ liệu lớn (Big data): giúp sản phẩm của công tác kế toán, kiểm toán, tài chính được nâng cao chất lượng hơn nhiều so trước đây. Các báo cáo tài chính, dữ liệu tài chính được tổng hợp, phân tích một cách khách quan hơn, cung cấp được nhiều thông tin đa chiều có giá trị hơn cho việc ra các quyết định của các chủ thể liên quan.

- Điện toán đám mây (Cloud computing): giúp công việc kế toán, kiểm toán, quản trị tài chính có thể thực hiện ở mọi nơi. Vấn đề tổ chức kế toán, kiểm toán, quản trị tài chính trong doanh nghiệp trở nên linh hoạt hơn.

- Công nghệ chuỗi khối (Blockchain): giúp công tác kế toán, kiểm toán của doanh nghiệp với các đối tác, bạn hàng, nhà đầu tư được nhanh chóng và bảo mật hơn. Chuyển đổi số tác động đến quy trình, phương pháp, chức năng của hoạt động kế toán, kiểm toán để phù hợp Báo cáo tài chính quốc tế IFRS.

Mặt khác, nhà sản xuất phần mềm kế toán cần kết nối, đồng hành cùng các cơ quan quản lý và doanh nghiệp trên địa bàn không chỉ trong công tác cập nhật phần mềm mà còn triển khai, hướng dẫn và sẵn sàng giải đáp mọi vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình sử dụng phần mềm 24/7.

3.2. Giải pháp từ phía các doanh nghiệp ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán

Đối với doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán

Doanh nghiệp cần lựa chọn phần mềm phù hợp và nhà cung cấp đáng tin cậy, đủ khả năng triển khai và xử lý khi gặp sự cố phần mềm. Đồng thời, thành lập tổ dự án phát triển hệ thống thông tin kế toán; tính toán chi phí đầu tư cho hệ thống bao gồm cả phần mềm và phần cứng; khảo sát và đánh giá khả năng hỗ trợ nhà cung cấp phần mềm; khảo sát và đánh giá tính khả dụng của phần mềm. Từ đó có kế hoạch bảo trì, nâng cấp phần mềm kế toán đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng của kế toán.

Doanh nghiệp nên đầu tư một phần lợi nhuận vào việc phát triển phần mềm cho hệ thống kế toán vì đây là công cụ hỗ trợ đắc lực cho doanh nghiệp trong công việc kế toán. Đồng thời, phần mềm kế toán cũng là giúp các nhà quản trị trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến kế toán và tài chính tại đơn vị. Do đó, việc đầu tư, đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong công tác kế toán là cần thiết và thiết thực.

Bên cạnh việc cải thiện nâng cấp phần mềm kế toán thì người dùng cũng là một yếu tố quan trọng khác quyết định hiệu quả của việc ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán. Doanh nghiệp cần phải đầu tư tài chính cho việc phát triển nguồn nhân lực và đào tạo nhân viên kế toán để bắt kịp với sự phát triển của CNTT và hướng đến chuẩn mực kế toán quốc tế. Đặc biệt là các công nghệ mới như : Công nghệ IoT, trí tuệ nhân tạo AI, điện toán đám mây, dữ liệu lớn,... Đây là những công nghệ mới và sẽ dần thay thế các công nghệ đang áp dụng hiện nay trong phần mềm kế toán chuyên dụng nhằm mang lại lợi ích nhiều hơn nữa cho các doanh nghiệp sử dụng. Đó đó đầu tư phát triển nguồn nhân lực theo hướng công nghệ mới là phù hợp và cần thiết. Khi đó, doanh nghiệp mới có đủ nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng được mục tiêu thúc đẩy ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán tại đơn vị mình. Ngoài ra, Tất cả các công ty phải sử dụng phần mềm kế toán một cách tiết kiệm và hiệu quả để phát huy cao nhất những ưu điểm của phần mềm này, khắc phục những nhược điểm của việc triển khai công nghệ thông tin trong công tác kế toán.

3.3. Giải pháp từ phía Nhà nước

Ngày 03/06/2020 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu, với một số chỉ số cơ bản. Do đó, việc thúc đẩy ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán được xem là đang góp phần thực hiện

mục tiêu chương trình chuyển đổi số quốc gia. Vì vậy Nhà nước, chính quyền địa phương cần thực hiện các giải pháp thiết thực hỗ trợ doanh nghiệp.

Thứ nhất, xây dựng chiến lược phát triển lĩnh vực kế toán, trong cả ngắn hạn và dài hạn: chiến lược cần được căn cứ vào thực trạng kế toán và những vấn đề do công nghệ số đặt ra; tập trung phát triển đảm bảo ngành kế toán vận hành đồng bộ, hoạt động có hiệu quả, chất lượng, phù hợp với cơ chế thị trường và thích ứng với những tiến bộ khoa học kỹ thuật của cuộc công nghệ số.

Thứ hai, quản lý an ninh mạng cũng là một vấn đề cần được chú trọng: Cách mạng công nghiệp 4.0 đã thúc đẩy mức độ chia sẻ thông tin, từ đó tạo ra một rủi ro rất lớn về an ninh mạng. Do đó, cơ quan quản lý Nhà nước cần đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng trung tâm dữ liệu; nâng cấp hệ thống an ninh, bảo mật ở mức cao, bảo đảm việc mở rộng phạm vi hoạt động được ổn định, an toàn, mang lại hiệu quả lâu dài. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp có thể yên tâm, mạnh dạn đầu tư ứng dụng CNTT trong công tác kế toán tại đơn vị.

Thứ ba, Nhà nước cần đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ chi phí cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, đặc biệt là các doanh nghiệp trên địa bàn có kinh tế còn khó khăn như tỉnh Kon Tum. Đồng thời, chính quyền địa phương cần phối hợp với các công ty phần mềm thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp mới thành lập trang bị phần mềm kế toán.

Thứ tư, tổ chức lớp tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo công tác kế toán chính xác, kịp thời, hiệu quả, tiết kiệm. Tạo điều kiện cho các học viên được hướng dẫn thực hành trực tiếp trên máy tính, đồng thời giải đáp các câu hỏi, thắc mắc của các cán bộ tham gia tập huấn về chương trình, trong đó, nhấn mạnh các thay đổi để đáp ứng những quy định của Bộ Tài chính theo các văn bản mới nhất. Thông qua đó, các học viên sẽ tiếp thu, nắm bắt đầy đủ và sử dụng thành thạo các chức năng của chương trình phần mềm, những kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sử dụng phần mềm kế toán để phục vụ tốt hơn cho công tác tài chính, kế toán, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ công tác kế toán của đơn vị.

Thứ năm, để khuyến khích các doanh nghiệp tiếp cận với các công nghệ mới và hiện đại (Công nghệ IoT, trí tuệ nhân tạo AI, điện toán đám mây, dữ liệu lớn,...) Nhà nước và Chính quyền Địa phương nên có chính sách hỗ trợ về chi phí và công nghệ

trong giai đoạn đầu. Đồng thời phổ biến và thông tin đến doanh nghiệp về những công nghệ mới này cũng như những lợi ích vượt trội của nó so với các công nghệ đang dùng hiện nay. Thực tế, khi tác giả thực hiện khảo sát cho nghiên cứu này và hỏi về các công nghệ mới thì gần như các doanh nghiệp không biết rằng nó có thể ứng dụng trong kế toán và đã dần được sử dụng.

KẾT LUẬN

CNTT ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, trong đó có việc tổ chức công tác kế toán. Đây có thể xem là yếu tố nòng cốt giúp các dữ liệu, thông tin kế toán được cung cấp một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy rằng tất cả các doanh nghiệp được khảo sát trên địa bàn thành phố Kon Tum nhận thức được vấn đề này, do đó 100% doanh nghiệp đã ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán tại đơn vị của mình ở mức độ khác nhau. Trong đó, 4% doanh nghiệp dùng phần mềm kế toán giản đơn (kế toán trên excel), 96% doanh nghiệp dùng phần mềm chuyên dụng đóng gói được sản xuất trong nước. Với sự ưu việt mà phần mềm kế toán mang lại so với kế toán thủ công thì các doanh nghiệp trong khảo sát này đánh giá khá cao về những tính năng của phần mềm cũng như lợi ích của phần mềm kế toán. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khó khăn khi sử dụng phần mềm như không biết cách khắc phục lỗi; chi phí nâng cấp, hỗ trợ cao; phần mềm không phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp; Từ đó, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy việc ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum góp phần thực hiện mục tiêu của chương trình “Chuyển đổi số quốc gia”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo nước ngoài

- Akabom, I. A., Nicholas O. D., Glory T. E. (2020). mpact of Information Technology on Accounting Line of Works. *International Journal of Recent Technology and Engineering*, 9(2).
- Arasteh, A., Aliahmadi, A., Mahmoodi, H., & Mohammadpour, M. (2010). Role of information technology in business revolution. *The International Journal of Advanced Manufacturing Technology*, 53(1-4), 411-420.
- Bagranof, N. A., Simkin, M. G. , & Norman, C. S. . (2010). *Accounting Information Systems*. South-Western.
- Banker, R. D. a. C., H. (2002). Impact of information technology on public accounting firm productivity. *Journal of information systems*, 16(2), 209-222.
- Bentley, L. D. W., J. L. . (2008). *Systems Analysis And Design For The Global Enterprise*. NY: Mc-Graw-Hill.
- Chukwu, A. C. (2001). Exactly how to hand-pick accurate IT program for accounting practices. *Journal of College of Accountancy*, 8(3), 67-68.
- Crescenzi, A., and Kocher, J. (1984). Management Support Systems: opportunity for Controllers. *Management Accounting*, 65(9).
- Dandago, K. I., Rufai, A. S. . (2014). Information technology and accounting information system in the nigerian banking industry. *Asian Economic and Financial Review*, 4(5), 655-670.
- Ebenezer, E. S., Omane-Antwi, K. B., Kyei, M.E. (2014). *Accounting in the Cloud: How Cloud Computing Can Transform Businesses (The Ghanaian Perspective)*. Paper presented at the Proceedings of the Second International Conference on Global Business, Economics, Finance and Social Sciences.
- Edmunds, A. a. M., A. (2000). The problem of information overload in business organizations: a review of the literature. *International Journal of Information Management*, 20.
- Ernawatiningsih, N. P. L. K., P. (2019). Effectiveness of Accounting Information Systems and the Affecting Factors. *International Journal of Applied Business & International Management*, 4(2).

- Fitriati, A. a. M., S. (2015). The Influence of Leadership Style on Accounting Information System Success and Its Impact on Accounting Information Quality. *Journal of Finance and Accounting*, 6(11).
- Gelinas, U. J., Sutton, S. G. , Hunton, J. E. . (2005). *Accounting Information Systems*. Thomson SouthWestern.
- Ghasemi, M., Shafeiepour, V., Aslani, M., & Barvayeh, E. . (2011). The impact of information technology (IT) on modern accounting. *Procedia Social and Behavioral Sciences*, 28.
- Granlund, M. (2007). On the Interface Between Management Accounting and Modern Information Technology – A literature review and some empirical evidence. *Working paper*.
- Granlund, M. (2011). Extending AIS research to management accounting and control issues: A research note. *International Journal of Accounting Information System*, 12.
- Granlund, M. a. M., J. (2003). Introduction: problematizing the relationship between management control and information technology. *European Accounting Review*, 2(1).
- Hamlen, K., Kantarcioglu, M., Khan, L., & Thuraisingham, B. (2010). Security issues for cloud computing. *International Journal of Information Security and Privacy*, 4(2).
- Hurt, R. L. (2008). *Accounting Information Systems, Basic Concepts & Current Issues*: Mc-Graw-Hil.
- Imene, F., Imhanzenobe, J. (2020). nformation technology and the accountant today: What has really changed? *Journal of Accounting and Taxation*, 12(1), 48-60.
- Iskandar, D. (2015). Analysis Of Factors Affecting The Success Of The Application Of Accounting Information System. *International journal of scientific & technology research*, 4(2).
- Jameel, A. S., & Ahmed, M. A. (2018). Determine some factors that affect to adoption of e-commerce among small and medium enterprises in Erbil. *Polytechnic Journal*, 8(1), 42-51.

- Li, F. (2013). Impact of information technology on accounting systems. *Asiapacific Journal of Multimedia Services Convergent with Art, Humanities, and Sociology*, 3(2), 93-106.
- Maria, D., C. (2010). Information Technology roles in Accounting Tasks – A Multiple-case Study. *International Journal of Trade, Economics and Finance*, 1(1).
- Maruschak, L. (2021). Accounting software in modern business. *Advances in Science, Technology and Engineering Systems*, 6(1).
- Moghaddam, A. T., Baygi, S. H., Rahmani, R., Vahediyan, M. (2012). The Impact of Information Technology on Accounting Scope in Iran. *Middle-East Journal of Scientific Research*, 12(10), 1344-1348.
- Moorthy, K., Voon, O. O., Samsuri, C.S., Gopalan, M., Yew, K. T. (2012). Application of Information Technology in Management Accounting Decision Making. *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences*, 2(3), 1-16.
- Rahman, M., Ahammed, M., Abdur, R. M., & Main, U. M. (2017). Obstacles and implementation of accounting software system in small medium enterprises (SMEs): Case of South Asian perspective. *International Journal of Science and Business*, 1(1).
- Rom, A. a. R., C. (2007). Management accounting and integrated information systems: A literature review. *International Journal of Accounting Information Systems*(8).
- Romney, M. B., Steinbart, P. J. . (2009). *Accounting Information Systems*. Pearson International.
- Romney, M. B. a. S., P. j. (2012). *Accounting Informations Systems*: Pearson Education Limited.
- Sacer, I. M., Oluic, A. (2013). Information Technology and Accounting Information Systems Quality in Croatian Middle and Large Companies. *Journal of Information and Organizational Sciences*, 37(2), 117-126.
- Salehi, M., & Abdipour, A. . (2011). A study of the barriers of implementation of accounting information system: Case of listed companies in Tehran stock exchange. *Journal of Economics and Behavioral Studies*, 2(2).

- Salehi, M., Rostami, V., Mogadam, A. (2010). Usefulness of Accounting Information System in Emerging Economy: Empirical Evidence of Iran. *International Journal of Economic and Finance*, 2(2), 186-195.
- Salehi, M., Torabi, E. . (2012). The Role of Information Technology in Financial Reporting Quality: Iranian Scenario. *Business Excellence*, 6(1), 115-127.
- Series, B. s. E. (Ed.) (2005). Accounting Dictionary.
- Stair, R. M. G. W. R. (2010). *Principles Of Information Systems, Course Technology*. NY: Mc-Graw-Hill.
- Susanto, A. (2008). Sistem Informasi Akuntansi: Struktur Pengendalian Risiko Pengembangan. *Edisi Perdana: Lingga Jaya*.
- Teng, J. a. C., K. (1996). Organizational Computing as a Facilitator of Operational and Managerial Decision Making: an Exploratory Study of managers' Perceptions. *Decision Sciences*.
- Thabit, T. H. (2015). Applying fuzzy logic to evaluate the BSC's performance for a random private Iraqi banks group. *International Journal of Banking, Finance and Digital*, 1(1), 42-54.
- Thabit, T. H., & Abbas, N. H. . (2017). A proposed framework for evaluating E-accounting application in Iraq. *Qalaai Zanist Scientific Journal*, 2(5), 838-852.
- Thabit, T. H., & Raewf, M. B. . (2016). The impact of voluntary disclosure on SMEs in developing countries. *Journal of Global Business and Social Entrepreneurship*, 4(5), 19-31.
- Urquia, E. (2011). An Effect of Accounting Information System on Performance Measures: Empirical Evidence in Spanish. *ournal International of Digital Accounting Research*, 11(2), 25-43.
- Yaser, A. J. a. M., B. R. (2020). Impact of the Information Technology on the Accounting System. *Cihan University-Erbil Journal of Humanities and Social Sciences*, 4(1).

Tài liệu tham khảo trong nước

- Lý Lan Yên (2020). Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác kế toán. *Tạp chí Kế toán và kiểm toán*, 10.

- Nguyễn Hoàng Nam (2021). *Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại Việt Nam*. Paper presented at the Hội thảo Khoa học quốc gia CFAC 2021: "Đổi mới Công nghệ, thị trường và chính sách.
- Nguyễn Thị Bích Hạnh (2020). Thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại một số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Đà Nẵng. *Tạp chí Kế toán và kiểm toán*, 8.
- Trần Thị Kim Lý (2016). *Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Hồ Chí Minh*. Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- Phan Lê Trang, P. T. D. H., Trần Nguyễn Thị Yên, Nguyễn Thị Hải Bình. (2022). Xác định nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*.
- Vũ Quốc Thông (2012). Ảnh hưởng của công nghệ thông tin (CNTT) đến hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) hiện đại. *Tạp chí Khoa học trường đại học Mở TP.HCM*, 7(2).

PHỤ LỤC: BẢNG CÂU HỎI KHẢO SÁT

KHẢO SÁT THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TP. KON TUM

Chúng tôi là nhóm sinh viên của Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum hiện đang thực hiện nghiên cứu khoa học đề tài “Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán của các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Kon Tum”. Để có thêm thông tin phục vụ cho mục tiêu của nghiên cứu, chúng tôi tiến hành thực hiện khảo sát này. Kính mong quý Anh/Chị hỗ trợ chúng tôi.

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp Anh/Chị thuộc loại hình doanh nghiệp nào?

- | | |
|--|---|
| ☐ Công ty Cổ phần | ☐ Công ty hợp danh |
| ☐ Công ty TNHH 1 thành viên | ☐ Doanh nghiệp tư nhân |
| ☐ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên | |

2. Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp Anh/Chị là gì?

- | | |
|-------------------------------------|--|
| ☐ Thương mại | ☐ Xây lắp |
| ☐ Dịch vụ | ☐ Dịch vụ tài chính |
| ☐ Sản xuất | ☐ Khác (vui lòng ghi rõ): |
| | |

3. Hiện tại, quy mô doanh nghiệp của Anh/Chị là:

- ☐ Lớn
- ☐ Vừa và nhỏ
- ☐ Siêu nhỏ

4. Doanh nghiệp Anh/Chị đã hoạt động được bao lâu?

- ☐ Từ 1 năm đến 3 năm
- ☐ Từ trên 3 năm đến 5 năm
- ☐ Trên 5 năm

II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP

5. Anh/Chị thực hành kế toán trong doanh nghiệp bằng hình thức nào? (Anh/Chị có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Thủ công
- ☐ Excel
- ☐ Phần mềm kế toán
- ☐ Các công nghệ khác như : Công nghệ IoT, trí tuệ nhân tạo AI, điện toán đám mây, dữ liệu lớn,....

6. Phần mềm kế toán mà doanh nghiệp Anh/Chị đang sử dụng là gì?

- ☐ Misa
- ☐ Bravo
- ☐ 1C
- ☐ Fast
- ☐ Excel
- ☐ ISSI
- ☐ Effect
- ☐ WINTA
- ☐ Khác (vui lòng ghi rõ tên phần mềm):
-

7. Khảo sát thực trạng ứng dụng của phần mềm kế toán/ Excel vào tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp: (Các mức độ cụ thể: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Trung bình; 4 = Khá; 5 = Tốt)

STT	Các chỉ tiêu	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
a	Dễ sử dụng					
b	Phù hợp với quy mô doanh nghiệp					
c	Đáp ứng các yêu cầu về kế toán tài chính					
d	Đáp ứng các yêu cầu về kế toán quản trị					
đ	Đáp ứng các yêu cầu về thuế					
e	Linh hoạt (có thể nâng cấp, cập nhật, thay đổi theo yêu cầu quản lý)					
f	Bảo mật					
g	Cập nhật các quy định Nhà nước					
h	Giá cả					
i	Chính sách chăm sóc, hỗ trợ sau bán					

8. Những lợi ích mà Phần mềm kế toán/Excel mang lại cho doanh nghiệp Anh/Chị trong quá trình làm kế toán? (Anh/Chị có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Tiết kiệm được nhiều thời gian
- ☐ Tiết kiệm chi phí
- ☐ Tổng hợp, xử lý và cung cấp báo cáo nhanh chóng, chính xác, kịp thời

- ☐ Đơn giản hóa công tác kế toán và thuế
- ☐ Quản lý, giám sát công việc của nhân viên
- ☐ Đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu
- ☐ Thường xuyên cập nhật các thông tư, nghị định mới
- ☐ Theo dõi hiệu quả tình hình tài chính của doanh nghiệp
- ☐ Thời gian lưu trữ dài
- ☐ Khác (vui lòng ghi cụ thể):
-
-

9. Những khó khăn mà doanh nghiệp Anh/Chị gặp phải khi sử dụng phần mềm kế toán/ Excel trong quá trình làm kế toán? (Anh/ Chị có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Chi phí nâng cấp, hỗ trợ kỹ thuật cao
- ☐ Doanh nghiệp không biết cách khắc phục lỗi phần mềm
- ☐ Dịch vụ chăm sóc khách hàng của đơn vị cung cấp phần mềm không tốt
- ☐ Phần mềm kế toán được đóng gói sẵn không phù hợp với loại hình doanh nghiệp
- ☐ Phần mềm kém chất lượng
- ☐ Khác (vui lòng ghi cụ thể):
-
-

10. Anh/Chị vui lòng đánh giá mức độ hiệu quả mang lại khi sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin (1 = Rất không hiệu quả, 2 = Không hiệu quả, 3 = Bình thường, 4 = Hiệu quả, 5 = Rất hiệu quả)

STT	Các chỉ tiêu	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Hiệu quả của việc ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác kế toán					
2	Hiệu quả của việc phục vụ cho công tác quản trị, ra quyết định tại doanh nghiệp					

11. Để có thể sử dụng tốt hơn thì những nội dung nào trong phần mềm kế toán/Excel mà doanh nghiệp Anh/Chị muốn cải tiến?

- Về tính năng:

.....
.....
.....

- Về tính bảo mật:

.....
.....
.....

- Về giao diện:

.....
.....
.....

- Khác:

.....
.....
.....

12. Về phía Nhà nước, doanh nghiệp Anh/Chị muốn được hỗ trợ hay cải thiện vấn đề gì để có thể thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. THÔNG TIN NGƯỜI TRẢ LỜI PHỎNG VẤN

13. Giới tính người được phỏng vấn: ☐ Nam ☐ Nữ

14. Vị trí của Anh/chị trong doanh nghiệp:

15. Anh/chị đảm nhận vị trí này được bao lâu rồi?.....

*Xin cảm ơn Anh/Chị đã dành thời gian trả lời bài phỏng vấn của chúng tôi
Kính chúc Anh/Chị nhiều sức khỏe và công tác tốt!*